

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ký sinh trùng Y học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: ĐỖ TRUNG DŨNG

2. Ngày tháng năm sinh: 01/10/1977; Nam ;  Nữ ;  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng A2205, Toà nhà M3-M4 số 92 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 34, đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0912116965;

E-mail: dotrungdung.nimpc.vn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng, năm: 03/2003 đến tháng, năm: 05/2005: Nghiên cứu viên, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Từ tháng, năm: 05/2005 đến tháng, năm: 04/2007: Học viên cao học, Khoa Y học nhiệt đới, Trường Đại học Mahidol Thái Lan.
- Từ tháng, năm: 04/2007 đến tháng, năm: 08/2008: Nghiên cứu viên, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.
- Từ tháng, năm: 08/2008 đến tháng, năm: 09/2010: Nghiên cứu viên, Phó trưởng Khoa Ký sinh trùng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.
- Từ tháng, năm: 09/2010 đến nay: Nghiên cứu viên, Trưởng Khoa Ký sinh trùng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.
- Từ tháng, năm: 10/2017 đến nay: Nghiên cứu viên chính, Trưởng Khoa Ký sinh trùng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.
- Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa.
- Cơ quan công tác hiện nay: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.

Địa chỉ cơ quan: Số 34 đường Trung Văn, phường Trung Văn, huyện Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243 8544326

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

- Trường Đại học Y Khoa Vinh.
- Khoa Y, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Trường Đại học Y Khoa Vinh.
- Trường Đại học Y Hà Nội.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 08 năm 2001; số văn bằng: C0256939 K25; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Thái Bình, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 4 năm 2007; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Y học bệnh nhiệt đới (Tropical Medicine); Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Mahidol, Thái Lan.



- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 07 năm 2015; số văn bằng: 004196/09; ngành: Y học; chuyên ngành: Ký sinh trùng Y học; Nơi cấp bằng TS : Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu về bệnh ký sinh trùng, bao gồm các lĩnh vực:

- Dịch tễ học ký sinh trùng: Nghiên cứu về tác nhân ký sinh gây bệnh, nguồn bệnh, vật chủ chính, vật chủ trung giun truyền bệnh, vật chủ dự trữ mầm bệnh và các yếu tố nguy cơ, liên quan đến bệnh ký sinh trùng. Nghiên cứu về dịch tễ bệnh giun truyền qua đất (bao gồm các loại giun đũa, giun tóc, giun móc), một số loài giun tròn đường ruột như giun kim, giun lươn. Nghiên cứu về bệnh sán lá truyền qua thức ăn như sán lá gan nhỏ, sán lá gan lớn, sán lá phổi, sán lá ruột. Nghiên cứu về bệnh ký sinh trùng truyền từ động vật sang người như bệnh sán dây, bệnh ấu trùng sán lợn, bệnh ấu trùng giun đũa chó mèo, bệnh ấu trùng giun đầu gai, bệnh giun rỗng (*dracunculiasis*), bệnh do ấu trùng *Oxyspirura* spp.. Bệnh do nấm và đơn bào như đơn bào đường ruột giardia, trichomonas, toxoplasma, *Entamoeba histolytica*, bệnh do nấm Candida. Xây dựng kế hoạch phân vùng dịch tễ bệnh ký sinh trùng thường gặp tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

- Xét nghiệm ký sinh trùng: Nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật xét nghiệm từ cơ bản truyền thống đến hiện đại trong nghiên cứu về bệnh ký sinh trùng. Nghiên cứu phát triển các bộ kit miễn dịch như Dot-ELISA, ELISA để chẩn đoán bệnh sán lá gan nhỏ, sán lá gan lớn, sán lá phổi. Nghiên cứu các test sinh học phân tử LAMP chẩn đoán bệnh sán lá gan nhỏ *Clonorchis sinensis* và *Opisthorchis viverrini*.

- Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ký sinh trùng: Nghiên cứu đánh giá hiệu lực của các loại thuốc điều trị giun truyền qua đất điều trị cho các đối tượng nguy cơ cao. Nghiên cứu hiệu quả của các biện pháp can thiệp tại cộng đồng đối với các bệnh giun truyền qua đất, bệnh sán lá gan nhỏ. Nghiên cứu điều trị bệnh ký sinh trùng và là đầu mối xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và phòng chống bệnh ký sinh trùng.

Tiến hành nghiên cứu và đề xuất áp dụng các biện pháp, phương pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng tại Việt Nam. Xây dựng phát triển, in ấn, thử nghiệm các vật liệu truyền thông như tờ rơi, tranh treo tường, đồ dùng dụng cụ học tập và áp dụng trong các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng. Nghiên cứu đề xuất loại trừ bệnh giun chỉ bạch huyết tại Việt Nam và Việt Nam đã được WHO trao chứng chỉ chứng nhận là nước đã loại trừ bệnh giun chỉ bạch huyết vào tháng 11 năm 2018, đây là căn bệnh thứ 2 được thanh toán tại Việt Nam sau bệnh Bại liệt vào năm 2000.



14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 6/7 HVCH/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/BSNT, 1 học viên cao học sẽ bảo vệ vào cuối năm 2021.
- Đang hướng dẫn 3 NCS thực hiện luận án Tiến sỹ về chuyên ngành bệnh ký sinh trùng;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Đã hoàn thành 8 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài cấp nhà nước. Đang tham gia 1 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp Bộ và 01 đề tài NAFOSTED hợp tác với đối tác FWO của Bỉ.
- Đã công bố 67 bài báo khoa học, trong đó 30 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín; có 4 bài báo là tác giả chính đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín sau khi tốt nghiệp TS.
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú do Chủ tịch nước phong tặng năm 2020.
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2017.
- 7 lần được Bằng khen của Bộ trưởng, Bộ Y tế.
- 5 năm đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Sau khi tốt nghiệp từ trường Đại học Y tôi đã xin dự thi vào Viện nghiên cứu về bệnh Sốt rét, bệnh ký sinh trùng và các bệnh do côn trùng truyền, công việc của tôi liên quan nhiều đến công tác nghiên cứu, chẩn đoán, điều trị và phòng chống bệnh ký sinh trùng đặc biệt là bệnh giun sán. Sau khi tốt nghiệp Ths, TS về chuyên ngành Y học các bệnh nhiệt đới, bệnh ký sinh trùng tôi có tham gia đào tạo các kỹ thuật Viên hệ trung cấp, hệ cao đẳng và đại học tại Viện và tại một số trường cao đẳng và đại học.
- Là lãnh đạo Khoa Ký sinh trùng thuộc Viện đầu ngành về Nghiên cứu, phòng chống bệnh ký sinh trùng và côn trùng truyền bệnh, tôi đã cố gắng học hỏi cùng với các cán bộ trong Khoa, trong Viện hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao trong công tác chỉ đạo tuyến, xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán, điều trị, phòng chống bệnh ký sinh trùng, thực hiện các nghiên cứu và các hoạt động phòng chống bệnh ký sinh trùng tại cộng đồng, tại các tỉnh thành, xây dựng các kế hoạch và chiến lược phòng chống bệnh ký sinh trùng. Tôi cũng đã cố gắng thực hiện các hoạt động hợp tác, trao đổi, phối hợp nghiên cứu với các nhà khoa học, các đối tác, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, học tập các kỹ thuật mới, các nội dung chuyên sâu mới, triển khai các dự án hợp tác nghiên cứu về bệnh ký sinh trùng tại Việt Nam.
- Tôi luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của một người công dân, một người thầy thuốc và của một người làm công tác nghiên cứu khoa học. Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để có thể bắt kịp, cập nhật



và phù hợp với sự phát triển của ngành kỹ sinh trùng, của Viện nơi tôi đang công tác và của cả ngành kỹ sinh trùng.

- Trong công tác chuyên môn, tôi luôn trung thực, không có sai phạm trong quản lý điều hành, trong giảng dạy và trong nghiên cứu khoa học. Phát huy tinh thần tập thể, hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan. Nhiệt tình hỗ trợ các đồng nghiệp, học sinh, sinh viên.

- Trên cương vị là một giáo viên tôi luôn giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục. Thực hiện đúng các nội quy, quy chế của viện, của trường. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng và đối xử công bằng với học trò, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của học trò. Không ngừng học tập, rèn luyện cập nhật kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phẩm chất đạo đức và chính trị.

- Với tất cả những điều đã thực hiện tôi nhận thấy mình đạt đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 07 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014					132		132/138/140
2	2014-2015					132	30	162/168/140
3	2015-2016					45	75	120/142,5/135
4	2016-2017					45	75	120/142,5/135
<b>03 năm học cuối</b>								
5	2017-2018		1(17)	3(7+11+15)		45	30	125/147,5/135
6	2018-2019		2 (17+17)	3 (15+70+70)		45	30	264/286,5/135
7	2019-2020	1(33)	2 (17+17)			45	30	142/164,5/135
8	2020-2021 Đang thực hiện	1(33)	2 (17+17)	1 (46)		-	Đang thực hiện	113/113/100

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: Thái Lan, năm 2007

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2017 đến 2020	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phí Thị Thuý Ngân		X		X	2017-2018	Trường Đại học Twente, Hà Lan	21/8/2018
2	Lê Thị Huyền Trang		X		X	2017-2018	Trường Đại học Kasetsart, Thái Lan Liên kết đào tạo với trường Đại học Toulouse, Pháp	4/10/2018
3	Nguyễn Ngọc Bích		X	X		2017-2018	Trường Đại học Y Hà Nội	30/9/2019
4	Nguyễn Thị Hậu		X	X		2018-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	16/12/2019
5	Nguyễn Đức Thuý		X	X		2018-2019	Học viện Khoa học Công nghệ	20/03/2020



6	Phùng Thị Thu Nhi		X	X		2018 - 2019	Học viện Khoa học Công nghệ	Bảo vệ thành công luận văn ngày 9/7/2021
7	Đỗ Thanh Tùng	X				2016-2020	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	-
8	Nguyễn Thị Bích Thảo	X				2018-2021	Trường Đại học Tự do Brussels ULB, Bỉ	-
9	Nguyễn Ngọc Vinh	X		X		2018-2022	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	-
10	Đỗ Trung Hà			X		2020-2021	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	-

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Quy trình xét nghiệm Côn trùng - Ký sinh trùng Y học	TK	NXB Y học - 2013	8	Biên soạn	33 - 60	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
2	Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán	TK	NXB Y học - 2013	7	Biên soạn	80-116	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GT	NXB Y học - 2018	9	Biên soạn	28 - 34	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
1	Nghiên cứu tình hình nhiễm giun truyền qua đất và tình trạng thiếu máu ở phụ nữ tuổi sinh sản tại một số điểm của Campuchia, Lào và Việt Nam.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2009-2010	Nghiệm thu ngày 07/10/2010 Xếp loại: Khá
2	Xây dựng quy trình chuẩn xét nghiệm chẩn đoán ký sinh trùng ô nhiễm thực phẩm	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2013-2014	Nghiệm thu ngày 03/2/2015. Quyết định công nhận kết quả nghiệm thu số 113/QĐ-VSR ngày 26/2/2016 của Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương. Xếp loại: Trung bình
3	Xác định đặc điểm hình thái và phân tử một số loài sán lá thuộc họ Heterophyidae và Echinostomatidae ký sinh trên người ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2013-2014	Nghiệm thu ngày 24/1/2014 Quyết định công nhận kết quả nghiệm thu số 110/QĐ-VSR ngày 14/3/2014 của Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương. Xếp loại: Xuất sắc
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>				
4	Nghiên cứu hiệu quả, tính an toàn của Albendazole 200mg hoặc Mebendazole 500mg liều duy nhất điều trị giun truyền qua đất ở trẻ em từ 12-24 tháng tuổi năm 2014-2015	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2014-2015	Nghiệm thu ngày 18/9/2015. Quyết định công nhận kết quả số 1147/QĐ-VSR ngày 7/12/2015 của Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.



TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
					Xếp loại: Xuất sắc
5	Đánh giá ảnh hưởng của nước chanh tươi và rượu etanol tới khả năng sống của ấu trùng giun sán trong thức ăn tươi sống, năm 2015.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2015	Nghiệm thu ngày 19/3/2016. Quyết định công nhận kết quả số 554/QĐ-VSR ngày 30/6/2016 của Viện trưởng Viện Sốt rét-Ký sinh trùng – Côn trùng trung ương. Xếp loại: Khá
6	Nghiên cứu thiết lập Kit Dot ELISA để chẩn đoán nhiễm sán lá gan lớn ở người năm 2018.	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018-2019	Nghiệm thu ngày 20/6/2019. Quyết định công nhận kết quả số 1845/QĐ-VSR ngày 05/12/2019 của Viện trưởng Viện Sốt rét-Ký sinh trùng – Côn trùng trung ương. Xếp loại: Khá
7	Đánh giá thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tiểu học và hiệu quả can thiệp tại trường học của tỉnh Quảng Ninh, năm 2018 – 2019.	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018-2019	Nghiệm thu ngày 03/01/2020 Xếp loại: Xuất sắc
8	Đánh giá hiệu lực điều trị giun truyền qua đất của Mebendazole 500mg liều duy nhất trên học sinh tiểu học từ 6-11 tuổi tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, năm 2019-2020.	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019-2020	Nghiệm thu ngày 09/02/2021. Quyết định công nhận kết quả số 157/QĐ-VSR ngày 08/03/2021 của Viện trưởng Viện Sốt rét-Ký sinh trùng – Côn trùng trung ương. Xếp loại: Xuất sắc.
9	Nghiên cứu chế tạo bộ kit LAMP để chẩn đoán ký sinh trùng sốt	Tham gia chính	Mã số nhiệm vụ: KC.10.16	2019-2021	Ngày 15/01/2021 Xếp loại: Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	rét, sán lá gan lớn, sán lá gan nhỏ, giun lươn đường ruột tại thực địa. Số đăng ký: 2020-64-014/KQNC		/16-20 Cấp nhà nước		

Các nhiệm vụ khoa học đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu chế tạo kit ELISA chẩn đoán ấu trùng giun đũa chó mèo trên người tại Việt Nam 2019-2021.	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019-2021	Đang thực hiện
2	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sán lá gan lớn và sán lá gan nhỏ ở người tại một số vùng nguy cơ cao và đánh giá hiệu quả biện pháp can thiệp phòng chống.	Thư ký	Cấp Bộ	2020-2021	Đang thực hiện
3	Bệnh sán lá gan lớn mới nổi trên bình diện toàn cầu: phát triển và thẩm định mô hình lây nhiễm để xác định các chiến lược phòng chống có chi phí hiệu quả.	Chủ nhiệm	Quỹ NAFOSTED Mã số: FWO.108.2020.01	2021-2023	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.



7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận Tiến sỹ</b>							
1.	Fishborne zoonotic intestinal trematodes, Vietnam. <b>(Tác giả chính)</b>	7	X		Emerging Infectious Diseases ISSN: 1080-6059 <b>IF 6.481</b>	110	13, 12, 1828- 1833	2007
2.	Discrimination of <i>Opisthorchis viverrini</i> from <i>Haplorchis taichui</i> using COI sequence marker.	4			Acta Trop ISSN: 0001-706X <b>IF 2.199</b>	48	103/ 26-32	2007
3.	High latrine coverage is not reducing the prevalence of soil-transmitted helminthiasis in Hoa Binh province, Vietnam.	7			Trans R Soc Trop Med Hyg Print ISSN 0035-9203 <b>IF 3.22</b>	15	103/ 237-241	2009
4.	Cost comparison of rapid questionnaire screening for individuals at risk of clonorchiasis in low- and high-prevalence communities in northern Vietnam.	5			Transactions of Royal Society of Tropical Medicine and Hygiene ISSN: 0035-9203 <b>IF 2.829</b>	2	103/ 447-451	2009
5.	Systematics of the subfamily Haplorchiinae (Trematoda: Heterphyidae), based on nuclear ribosomal DNA genes and ITS2 region	6			Parasitology International ISSN: 1383 -5769 <b>IF: 2.05 SCIE</b>	31	59/3/ 460-465	2010
6.	A human case of subcutaneous dirofilariasis caused by <i>Dirofilaria repens</i> in VN: histologic and molecular confirmation	7			Parasitol Research ISSN: 0932 - 0113 <b>IF 2.067</b>	12	107/4/ 1003- 1007	2010
7.	Human paragonimiasis in Viet Nam: Epidemiological survey and identification of the responsible species by DNA	7			Parasitology International ISSN: 1383 -5769	11	60/ 534-537	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	sequencing of eggs in patients' sputum.				<b>IF: 2.05 SCIE</b>			
8.	Rapid and simple identification of human pathogenic heterophyid intestinal fluke metacercariae by PCR-RFLP.	8			Parasitology International ISSN: 1383 -5769 <b>IF: 2.05</b>	7	60/ 503-506	2011
9.	Raw-fish-eating behavior and Fishborne Zoonotic Trematode infection in people of Northern Vietnam	4			Foodborne pathogens and diseases ISSN: 1535-3141 <b>IF 2.95 SCIE</b>	25	8/2/ 255-260	2011
10.	Prevention and control of Fishborne zoonotic Trematodes in Fish Nurseries, Vietnam	9			Emerging Infectious Diseases ISSN: 1080-6059 <b>IF 7.422</b>	7	18/9/ 1438-1445	2012
11.	Genetic differences among Vietnamese Haplorchis taichui populations using the COI genetic marker. <b>(Tác giả chính)</b>	4	X		Journal of Helminthol ISSN: 0022-149X <b>IF 1.344</b>	7	87/1/ 66-70	2013
12.	Essessing the burden of human cysticercosis in Viet Nam. <b>(Tác giả chính)</b>	7	X		Tropical medicine and international health ISSN: 1365-3156 <b>IF 2.62</b>	6	18/3/ 352-356	2013
13.	The Hidden Burden of Trichinellosis in Vietnam:A Postoutbreak Epidemiological Study	8			BioMed Research International ID 149890 ISSN: 2314-6133 <b>IF 3.276 Online</b>	13	4 trang	2013
14.	The effectiveness of different intervention strategies for the prevention of zoonotic metacercariae infection in cultured fish	9			Aquaculture ISSN: 0044-8486 <b>IF 1.990</b>	3	416-417/ 135-140	2013



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15.	High Reinfection Rate after Preventive Chemotherapy for Fishborne Zoonotic Trematodes in Vietnam	6			PLOS Neglected Tropical Diseases ISSN: 1935-2735 <b>IF 4.487 online</b>	11	8/6/ 8 trang	2014
16.	Current status of fish-borne zoonotic trematode infections in Gia Vien district, Ninh Binh province Viet Nam	8			Parasites and Vectors ISSN: 1756 -3305 <b>IF 3.430</b>	20	8/21	2015
17.	Trichinellosis in Vietnam	7			<i>American Journal of Tropical Medicine and Hygiene</i> SCI ISSN: 0002-9637 <b>IF:2.564</b>	18	92/6/ 1265-1270	2015
18.	Tình hình nhiễm sán lá gan lớn ở Việt Nam năm 2007 và đề xuất biện pháp phòng chống.	3		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			4/ 31-37	2008
19.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất và thiếu máu ở Phụ nữ tuổi sinh sản tại một số điểm của Lào, Campuchia và Việt Nam. <b>(Tác giả chính)</b>	7	X	Tuyển tập Công trình Khoa học Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 36			2/ 64-75	2011
20.	An outbreak of trichinosis in Dien Bien province, Viet Nam in 2013.	4		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			5/ 65-70	2013
21.	Mixed infectinon with small liver trematode and small intestinal trematodes in human in nine provinces of Viet Nam. <b>(Tác giả chính)</b>	5	X	Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			5/ 77-83	2013
22.	Một số đặc điểm hình thái học và xác định loài sán lá ruột nhỏ <i>Stellantchasmus falcatus</i> và	4	X	Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN:			6/ 51-59	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Echinochamus japonicus sử dụng chỉ thị 28S ribosome. <b>(Tác giả chính)</b>			0868-3735				
23.	Thực trạng một số yếu tố nguy cơ liên quan nhiễm sán dây và hiệu quả biện pháp phòng chống tại xã Long Cốc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.	7		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			6/ 60-68	2013
24.	Đặc điểm hình thái học một số loài sán lá ruột nhỏ họ Heterophyidae ký sinh trên người tại Việt Nam. <b>(Tác giả chính)</b>	7	X	Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			2/ 66-74	2014
25.	Thực trạng nhiễm giun lươn đường ruột tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên và hiệu quả điều trị giun lươn bằng Albendazole.	4		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 5-9	2014
26.	Thực trạng nhiễm giun lươn đường ruột Strongyloide Stercoralis tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên và xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.	4		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 10-14	2014
27.	Xác định loài và phân tích phá hệ của sán lá gan nhỏ <i>Clonorchis sinensis</i> và <i>Opisthorchis viverrini</i> ở Việt Nam trên cơ sở gen 28S Ribosome.	5		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 89-95	2014
28.	Thực Trạng và một số yếu tố nguy cơ nhiễm giun ở trẻ 12-24 tháng tại Điện Biên và Yên Bái. <b>(Tác giả chính)</b>	5	X	Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			4/ 46-54	2015
29.	Hiệu quả điều trị giun truyền qua đất ở trẻ 12- 24 tháng tại Điện Biên và Yên Bái bằng Albendazole 200mg và Mebendazole 500mg.	5		Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			5/ 87-93	2015



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30.	Đặc điểm gen học và phân loại của các loài sán lá ruột nhỏ ( <i>Haplorchis pumilio</i> ; <i>H. taichui</i> ; <i>Stellantchasmus falcatus</i> ) thuộc họ Heterophyidae thu thập trên người tại Việt Nam	7		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			31/63-71	2015
31.	Xây dựng và thử nghiệm bộ KIT Triplex-PCR phân biệt sán lá gan nhỏ <i>Clonorchis sinensis</i> với sán lá ruột nhỏ <i>Haplorchis taichui</i> và <i>Haplorchis pumilio</i> gây nhiễm trên người tại Việt Nam	5		Tuyển tập Công trình Khoa học Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc chuyên ngành Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng năm 2015 ISBN: 978-604-66-0950-6			1/172-181	2015
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận Tiến sỹ</b>							
32.	Genetic differences among <i>Haplorchis taichui</i> population in Indochina revealed by mitochondrial COX 1 sequences	10			Journal of Helminthol ISSN: 0022-149X <b>IF 1.421</b>	1	8 trang	2016
33.	Microbial contamination along the main open wastewater and storm water channel of Hanoi, Vietnam, and potential health risks for urban farmers	12			Science of the Total Environment ISSN: 0048 -9697 <b>IF 5.589</b>	19	566-567/1/1014-1022	2016
34.	Levels of <i>Toxocara</i> infections in dogs and cats from urban Vietnam together with associated risk factors for transmission	5			Journal of Helminthology ISSN: 0022-149X <b>IF 1.421</b>	2	90/4/508-511	2016
35.	Intestinal parasite infections and associated risk factors in communities exposed to waste water in urban and peri-urban transition zones in Hanoi, Vietnam	8			Parasites & Vectors ISSN: 1756-3305 <b>IF 3.430</b>	8	9/537	2016
36.	A complete mitochondrial genome from <i>Echinochasmus japonicus</i> supports the elevation of Echinochasmidae Ochner,	6			Infect Genet Evol. ISSN: 1567-1348	8	45/369-377	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	1910 to family rank (Trematoda: Platyhelminthes)				IF 2.611 SCIE			
37.	The ribosomal transcription units of <i>Haplorchis pumilio</i> and <i>H. taichui</i> and the use of 28S rDNA sequences for phylogenetic identification of common heterophyids in Vietnam	6			Parasites & Vectors ISSN: 1756-3305 IF 3.430 SCIE	4	10/17/ 9 pages	2017
38.	Risk factors for <i>Clonorchis sinensis</i> infection transmission in humans in northern Vietnam: A descriptive and social network analysis study	6			Parasitology International ISSN: 1383 -5769 IF: 2,05	8	66/ 74-82	2017
39.	Prenatal diagnosis and Prevention of toxoplasmosis in pregnant women in Northern Vietnam: study protocol.	8			BMC Infect Dis. ISSN: 1471-2334 IF 2.620	2	17/364/ 8 pages	2017
40.	Pruritic Cutaneous Nematodiasis Caused by Avian Eyeworm <i>Oxyspirura</i> Larvae, Vietnam. <b>(Tác giả chính)</b>	5	X		Emerging Infectious Diseases ISSN: 1080-6059 IF 6.259	1	26/4/ 786-788	2020
41.	Fish-borne trematode metacercariae detected in fish commonly used for raw consumption in Ninh Binh Province, Vietnam	9			Tropiocal Biomeficine IF 0.509		37/2/ 443-451	2020
42.	Prevalence and risk factors associated with <i>Clonorchis sinensis</i> infections in rural communities in northern Vietnam. <b>(Tác giả hướng dẫn nghiên cứu sinh và là PI)</b>	11	X		PLOS Neglected Tropical Diseases 14(8) : e0008483. <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0008483">https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0008483</a> IF 3.885 Published online	1	17 pages	2020



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
43.	Evaluation of a facility-based inspection tool to assess lymphedema management services in Vietnam <b>(Tác giả chính)</b>	8	X		PLoS Negl Trop Dis 14(10): e0008773. <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0008773">https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0008773</a> <b>IF 3.885</b> <b>Published online</b>	1	13 pages	2020
44.	Piloting a surveillance system to monitor the global patterns of drug efficacy and the emergence of anthelmintic resistance in soil-transmitted helminth control programs: a Starworms study	31		Gates Open Research <a href="https://doi.org/10.12688/gatesopenres.13115.1">https://doi.org/10.12688/gatesopenres.13115.1</a> <b>Published online</b>			10 pages	2020
45.	Prevalence of human taeniasis and cysticercosis and related factors in Phu Tho province, northern Vietnam <b>(Tác giả chính)</b>	7	X		Korean Journal of Parasitology ISSN (print) 0023-4001 ISSN (Online): 1738-0006 <b>IF: 1.311</b>		59/4 1-8	2021
46.	Thực trạng nhiễm ấu trùng giun đũa chó mèo ( <i>Toxocara spp.</i> ) trên người tại một số điểm nghiên cứu thuộc Hà Nội và Hưng Yên, năm 2014-2015 <b>(Tác giả chính)</b>	6	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 10-16	2016
47.	Khóa định loại các loài sán lá trưởng thành ký sinh ở người tại Việt Nam đến năm 2015	6		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			4/ 3-7	2016
48.	Đánh giá tình trạng nhiễm ấu trùng sán lá trên cá và ảnh hưởng của nước chanh tươi và rượu Etanol tới khả năng sống của ấu trùng <i>Clonorchis sinensis</i> . <b>(Tác giả chính)</b>	5	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			4/ 32-40	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
49.	Xác định cấu trúc và đặc điểm gen học hệ gen ty thể của sán lá ruột nhỏ Haplorchis taichui (Trematoda: Heterophyidae), mẫu Việt Nam	7		Tạp chí Công nghệ Sinh học ISSN: 1811-4989			14/2/ 215-224	2016
50.	Kết quả thực hiện loại trừ bệnh giun chỉ bạch huyết ở Việt Nam.	9		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 10-17	2018
51.	Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm bệnh sán lá gan nhỏ và một số yếu tố nguy cơ của người dân xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, năm 2014-2015.	6		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 24-29	2018
52.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất và hiệu quả điều trị Albendazol 400mg trên học sinh tiểu học tại 2 xã huyện Gia Viễn, Ninh Bình năm 2017	3		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			2/ 9-14	2018
53.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở trẻ 12-60 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai năm 2018.	3		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			4/ 28-35	2018
54.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tiểu học tại 21 tỉnh thành của Việt Nam năm 2016. <b>(Tác giả chính)</b>	5	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			5/ 9-17	2018
55.	Đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu kit dot Elisa phát hiện kháng thể kháng sán lá gan lớn (Fasciola spp.) trong huyết thanh người sử dụng kháng nguyên chất tiết. <b>(Tác giả chính)</b>	5	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			2/ 70-77	2019
56.	Thực trạng một số yếu tố liên quan nhiễm giun truyền qua đất ở phụ nữ tuổi sinh sản tại huyện Trạm Tấu tỉnh Yên Bái, năm 2018.	6		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 10-17	2019



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
57.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tiểu học tại huyện Tiên Phước, Tỉnh Quảng Nam năm 2017.	3		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 18-22	2019
58.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở trẻ 12-60 tháng tuổi tại hai tỉnh Hà Giang và Cao Bằng năm 2019. <b>(Tác giả chính)</b>	3	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			2/ 9-15	2020
59.	Nghiên cứu phát triển kỹ thuật LAMP (Loop-Mediated Isothermal Amplification) để phát hiện sán lá gan nhỏ <i>Opisthorchis viverrini</i> .	6		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			4/ 19-25	2020
60.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun truyền qua đất ở trẻ 12-23 tháng tại một số huyện miền núi của tỉnh Điện Biên, Hà Giang và Yên Bái.	4		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			5/ 32-37	2020
61.	Hiệu quả và tính an toàn của Albendazole 200mg, Mebendazole 500mg trong điều trị giun truyền qua đất ở trẻ 12-23 tháng tuổi tại một số tỉnh miền núi phía Bắc.	5		Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			5/ 38-44	2020
62.	Detection od <i>Ascaris suum</i> in the Livers of Chickens infected Naturally by the Nested Multiplex PCR Assay	7		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 2588-1299			3/2/ 606-611	2020
63.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở trẻ 12 - 60 tháng tuổi tại hai tỉnh Thanh Hóa và Điện Biên, năm 2020. <b>(Tác giả chính)</b>	3	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			1/ 17-22	2021
64.	Không tìm thấy mối liên quan giữa thói quen ăn gỏi cá và thực trạng nhiễm sán lá gan nhỏ trên người tại xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, năm 2020 <b>(Tác giả chính)</b>	2	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			1/ 33-40	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
65.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tiểu học tại huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, năm 2020. <b>(Tác giả chính)</b>	2	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			2/ 3-9	2021
66.	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tiểu học tại huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang, năm 2019. <b>(Tác giả chính)</b>	3	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			2/ 15-23	2021
67.	Thực trạng nhiễm ký sinh trùng đường ruột tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, năm 2020. <b>(Tác giả chính)</b>	2	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng ISSN: 0868-3735			3/ 3-13	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 bài.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích



TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

### C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đỗ Trung Dũng**